ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

----------***----------

NGUYỄN VĂN TUẤN

QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002 - 2018

Ngành: Lịch sử Thế giới

Mã số: 9229011

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HUẾ - 2022

Công trình được hoàn thành tại: **Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Hoàng Văn Hiển**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế họp tại: Số 4 - Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vào hồi …….. giờ ....., ngày ..... tháng …… năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
4. Nguồn tư liệu nghiên cứu 2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 3
6. Đóng góp của luận án 3
7. Kết cấu của luận án 4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 5
1.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở trong nước 5
1.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở nước ngoài 6
1.3. Nhận xét về các kết quả nghiên cứu 7
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002 - 2018 8
2.1. Những cơ sở lịch sử, văn hóa 8
2.2. Những nhân tố tác động 8
CHƯƠNG 3: QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU (2002 - 2018) 9
3.1. Các khung pháp lý của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam 9
3.2. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao 10
3.3. Trên lĩnh vực kinh tế 10
3.4. Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng 11
3.5. Về hợp tác đa phương 12
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002 - 2018 13
4.1. Những kết quả đạt được và hạn chế 13
4.2. Đặc điểm 14

4.3. Tác động của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam đối với hai nước và khu vực.....15
4.4. Những vấn đề đặt ra và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản.....16
KẾT LUẬN.....22
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....24

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nhật Bản và Việt Nam là hai quốc gia ở châu Á, không chỉ gần gũi về vị trí địa lý, các mối liên hệ trong lịch sử mà còn có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa và có mối quan hệ giao lưu văn hóa, kinh tế từ rất sớm. Tuy nhiên, do tác động của nhiều nhân tố, quan hệ giữa hai nước có những thăng trầm nhất định.

Vượt qua bao khó khăn, thử thách, ngày 21/9/1973, hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Nhưng mối quan hệ mới bắt đầu phát huy hiệu quả thì lại rơi vào tình trạng "*lạnh*" do nhiều vấn đề chi phối. Việc Chiến tranh lạnh (CTL) kết thúc và "*Vấn đề Campuchia*" được giải quyết đã tạo cơ hội thuận lợi để hai nước nối lại mối quan hệ và tiếp tục phát triển như ngày nay.

Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam (Nhật - Việt) từ sau CTL đến nay, có thể chia thành nhiều giai đoạn khác nhau, nhưng có thể nhận thấy quan hệ hai nước chỉ thực sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, nhất là chính trị - ngoại giao (CT - NG), kinh tế và an ninh - quốc phòng (AN - QP) là từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Tuy nhiên, quan hệ hai nước cũng không tránh khỏi những hạn chế làm ảnh hưởng và tác động không thuận chiều đối với từng nước cũng như quan hệ song phương cần sớm được khắc phục. Với mong muốn làm rõ thực trạng mối quan hệ nhằm góp phần nhất định vào việc thúc đẩy quan hệ Nhật - Việt tiếp tục phát triển toàn diện và sâu rộng hơn, việc nghiên cứu mối quan hệ này trong giai đoạn 2002 - 2018 là việc làm cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn vấn đề "***Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam giai đoạn 2002 - 2018***" làm luận án tiến sĩ nhằm góp phần nghiên cứu sâu hơn mối quan hệ giữa hai quốc gia và trong chừng mực nhất định có những đóng góp vào việc cung cấp những cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại (CSĐN) của Việt Nam cũng như tạo lập nền tảng tin cậy, vững chắc cho mối quan hệ Nhật - Việt trong tương lai.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án làm rõ tiến trình vận động và phát triển của mối quan hệ Nhật - Việt từ năm 2002 đến năm 2018 trên các lĩnh vực CT - NG, kinh tế và AN - QP. Trên cơ sở đó, luận án sẽ làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và rút ra những đặc điểm, tác động cũng như những vấn đề đặt ra và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án sẽ tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những cơ sở và nhân tố mới tác động đến quan hệ Nhật - Việt từ năm 2002 đến năm 2018.

- Trình bày một cách hệ thống quá trình vận động và phát triển của mối quan hệ Nhật - Việt trên các lĩnh vực CT - NG, kinh tế và AN - QP từ năm 2002 đến năm 2018.

- Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được cũng như hạn chế, luận án sẽ rút ra những đặc điểm, phân tích những tác động của mối quan hệ này đối với mỗi nước và khu vực; từ việc làm rõ những vấn đề đặt ra và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ hợp tác với Nhật Bản.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình vận động và phát triển mối quan hệ Nhật - Việt trên lĩnh vực CT - NG, kinh tế và AN - QP từ năm 2002 đến năm 2018.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, luận án chủ yếu nghiên cứu mối quan hệ giữa hai chủ thể ở khu vực châu Á là Nhật Bản và Việt Nam.

Về thời gian, trọng tâm nghiên cứu của luận án từ năm 2002 đến năm 2018.

Về nội dung, luận án tập trung phân tích, tổng hợp tiến trình mối quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 trên ba lĩnh vực chính là CT - NG, kinh tế và AN - QP.

4. Nguồn tư liệu nghiên cứu

Để hoàn thành luận án, tác giả đã tham khảo các nguồn tư liệu chủ yếu sau:

** Nguồn tư liệu gốc*

- Các văn bản ngoại giao của Nhật Bản có liên quan đến Việt Nam như: Các học thuyết, CSĐN của các đời Thủ tướng Nhật Bản; Sách Xanh Ngoại giao hàng năm của Bộ Ngoại giao Nhật Bản; các báo cáo liên quan đến thương mại, đầu tư, Viện trợ Phát triển chính thức (ODA)…

- Các văn kiện, văn bản ngoại giao của Việt Nam liên quan đến Nhật Bản như: các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, các phát biểu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ Ngoại giao, Sách Xanh Ngoại giao, các báo cáo liên quan đến thương mại, đầu tư, viện trợ ODA…

- Các văn kiện chính thức được ký kết giữa hai Chính phủ Nhật Bản và Việt Nam liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

** Nguồn tư liệu thứ cấp*

- Các công trình nghiên cứu đã được công bố của các nhà nghiên cứu, học giả và chính khách trong và ngoài nước dưới dạng sách chuyên khảo, tham khảo; các bài tạp chí...

- Các nguồn tư liệu từ mạng Internet, tại các trang Website có uy tín…

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận án quán triệt sâu sắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quan hệ đối ngoại nói chung, quan hệ hợp tác với Nhật Bản nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án là một công trình nghiên cứu lịch sử nên tác giả luận án sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logíc như dòng mạch chủ đạo xuyên suốt trong quá trình thực hiện viết luận án. Ngoài ra, trong chừng mực nhất định, tác giả luận án còn kết hợp các phương pháp liên ngành như phương pháp nghiên cứu về quan hệ quốc tế (QHQT), phương pháp chuyên gia, phân tích, tổng hợp, so sánh, dự báo khoa học… để giải quyết toàn diện các vấn đề đặt ra.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt khoa học

- Luận án tái hiện một cách hệ thống, toàn diện và khoa học bức tranh tổng thể về quan hệ Nhật - Việt trong 16 năm (2002 - 2018) trên một số lĩnh vực chủ yếu như CT - NG, kinh tế và AN - QP dưới góc độ

Sử học, với chủ thể quan hệ là Nhật Bản từ góc nhìn của nhà nghiên cứu Việt Nam.

- Từ kết quả nghiên cứu, luận án chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế, từ đó rút ra đặc điểm của mối quan hệ cũng như tác động của nó đối với mỗi nước và khu vực, những vấn đề đặt ra trong quan hệ giữa hai nước, trên cơ sở đó luận án đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ hợp tác với Nhật Bản nhằm tăng cường và phát triển mối quan hệ trong thời gian tiếp theo.

6.2. Về mặt thực tiễn

- Những kết quả nghiên cứu của luận án trong chừng mực nhất định, cung cấp các luận cứ khoa học trong việc hoạch định và triển khai CSĐN của Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản, qua đó góp phần thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng giữa hai nước.

- Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở các trường đại học, cao đẳng, viện, trung tâm nghiên cứu… liên quan đến các lĩnh vực như lịch sử thế giới hiện đại, QHQT ở châu Á - Thái Bình Dương (CA - TBD), Khu vực học, QHQT của Nhật Bản, Việt Nam… cùng những ai quan tâm đến quan hệ Nhật - Việt trong giai đoạn hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những cơ sở và nhân tố tác động đến quan hệ Nhật Bản - Việt Nam giai đoạn 2002 - 2018

Chương 3: Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trên các lĩnh vực chủ yếu (2002 - 2018)

Chương 4: Một số nhận xét về quan hệ Nhật Bản - Việt Nam giai đoạn 2002 - 2018

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở trong nước

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Việt Nam. Tiêu biểu như: *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI* (Nguyễn Xuân Sơn và Nguyễn Văn Du; 2006); *Chính sách đối ngoại của các nước lớn trong giai đoạn hiện nay* (Nguyễn Thị Quế; 2015); *Chính sách của Nhật Bản đối với ASEAN những năm đầu thế kỷ XXI* (Ngô Phương Anh; 2020); *Cục diện thế giới đến năm 2020* (2010), *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020* (2010) và *Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới* (2011) của Phạm Bình Minh; *Chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới* (Nguyễn Hoàng Giáp và Nguyễn Thị Quế; 2013); *Quan hệ giữa Nhật Bản và các nước Tiểu vùng sông Mekong từ sau Chiến tranh lạnh đến nay* (Huỳnh Phương Anh; 2017) và một số bài viết khác. Nhìn chung, các công trình nói trên mới chỉ phản ánh được một phần nào nội dung liên quan đến CSĐN của Nhật Bản và Việt Nam cũng như mối quan hệ Nhật - Việt.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu về quan hệ Nhật - Việt. Tiêu biểu là: *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: Quá khứ, hiện tại và tương lai* (Ngô Xuân Bình và Trần Quang Minh; 2005)*; Xây dựng đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản: Nội dung và lộ trình* (Trần Quang Minh và Phạm Quý Long; 2011); *40 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: Thành quả và triển vọng* (Nguyễn Tiến Lực; 2014); *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh* (Nguyễn Thị Quế và Nguyễn Tất Giáp; 2013); *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: 45 năm nhìn lại và hướng tới tương lai* (Trần Quang Minh' 2019); *Hiệp định đối tác toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA)* (2011) và *Tận dụng ưu đãi trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam (2016*) của Bộ Công thương; *Đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia Nhật Bản trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam* (Đinh Trung Thành; 2010)… đã góp phần làm rõ những nét cơ bản về lịch sử quan hệ cũng như những thành tựu nổi bật trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, viện trợ ODA… cũng như hội nhập kinh tế quốc tế của hai

quốc gia. Đặc biệt, một số tác giả đã đưa ra các ý kiến mang tính kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa quan hệ kinh tế giữa hai nước trong thời gian đến.

1.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở nước ngoài

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu có liên quan đến quan hệ Nhật - Việt. Với một số công trình tiêu biểu như: *Japan's Foreign Policy, 1945 - 2009: The Quest for a Proactive Policy* (Kazuhiko Togo; 2010); *Japan's International Relations: Politics, economics and security* (Glenn D. Hook, Julie Gilson, Christopher Hughes và Hugo Dobson; 2011); *Ngoại giao Nhật Bản - Sự lựa chọn của Nhật Bản trong thời đại toàn cầu hóa* (2012) và *Ngoại giao Nhật Bản từ Minh Trị Duy Tân đến hiện đại* (2013) của Irie Akira; *Japan's Foreign Relations in Asia* (James D.J. Brown và Jeff Kingston; 2017); luận án *"Vietnam's Foreign Policy in the Post - Cost war Era: Ideology and Reality"* (Lương Ngọc Thanh; 2013); *Những bài học về quan hệ Việt Nam - Nhật Bản* (Kimura Hiroshi, Furuta Motoo và Nguyễn Duy Dũng; 2005)… Điểm chung và nổi bật của các công trình nghiên cứu về CSĐN của Nhật Bản, Việt Nam và quan hệ hai nước của các học giả, nhà nghiên cứu nước ngoài, người Nhật và người Việt Nam ở nước ngoài là cách tiếp cận liên ngành, khai thác nguồn tư liệu đa dạng và phong phú, có tính khái quát cao, nội dung ít nhiều đã đề cập đến quan hệ Nhật - Việt trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu về quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trên một số lĩnh vực cụ thể. Về CT - NG, có「*日本にとってのベトナムの重要性*」(2020) của 梅田邦夫; "日本とベトナムのパートナーシップこれまで、そしてこれから" (2013) của JICA. Về kinh tế, có "ベトナムの日本食品市場，水産物・果物の輸入販売状況について" (2018) của 神谷 靖子. Về AN - QP có *New Directions in Japan's Security Non - U.S. Centric Evolution* (2020) của Paul Midford và Wilhelm Vosse; *Khả năng và những vấn đề trong hợp tác phòng vệ Việt Nam - Nhật Bản* của Toshiharu Tsuboi (2014); "海自が存在感、中国を牽制　Ｐ３Ｃ派遣しベトナム海軍と合同訓練" (2016) của 産経…

Tóm lại, bằng nhiều cách tiếp cận khác nhau, các công trình nói trên đã có những đóng góp nhất định như: Nêu được một số cơ sở lịch sử của

mối quan hệ Nhật - Việt, phân tích được một số khía cạnh liên quan đến CSĐN của Nhật Bản, Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử, quan hệ Nhật - Việt trên một số lĩnh vực chủ yếu như CT - NG, kinh tế và AN - QP… Tuy nhiên, với tư cách là một công trình khoa học độc lập, mang tính chất tổng thể, toàn diện và có hệ thống về quan hệ Nhật - Việt xuyên suốt trong khoảng thời gian nghiên cứu của luận án (2002 - 2018) trên phương diện quan hệ song phương, thì các công trình của các học giả Việt Nam và nước ngoài chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu này. Mặc dù vậy, những công trình trên vừa là cơ sở, vừa là nguồn tài liệu tham khảo quý giá và hữu ích trong việc nghiên cứu đề tài.

1.3. Nhận xét về các kết quả nghiên cứu

Nhìn lại tình hình nghiên cứu vấn đề có liên quan đến đề tài luận án, có thể rút ra một số nhận xét về kết quả nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, số lượng công trình, bài viết nghiên cứu về CSĐN của Nhật Bản và Việt Nam cũng như mối quan hệ Nhật - Việt nói chung, quan hệ hai nước từ năm 2002 đến năm 2018 nói riêng khá phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về tiến trình vận động, phát triển và bản chất của mối quan hệ Nhật - Việt và từ chủ thể quan hệ là Nhật Bản trong giai đoạn 2002 - 2018. Trong khả năng tiếp cận các tài liệu tham khảo và tư liệu như trên, chúng tôi nhận thấy đề tài luận án *"Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam giai đoạn 2002 - 2018"* không trùng lặp với các công trình đi trước.

Thứ hai, đa số các công trình chủ yếu đề cập đến mối quan hệ chung hoặc nghiên cứu quan hệ Nhật - Việt trên một lĩnh vực cụ thể như CT - NG, kinh tế và AN - QP, văn hóa - xã hội… và thường giới hạn trong một khung thời gian nhất định không trùng với giai đoạn nghiên cứu 2002 - 2018 của đề tài.

Thứ ba, còn khá nhiều vấn đề trong quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 cần được nghiên cứu, luận giải sâu hơn, đáp ứng yêu cầu về lý luận và thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá về mối quan hệ này. Bên cạnh đó, do tồn tại những quan điểm khác nhau do bị chi phối bởi nhiều yếu tố như ý thức hệ, quan điểm… cần tiếp tục có sự phân tích, đánh giá, trao đổi của những nghiên cứu tiếp theo, trong đó có tác giả luận án này, để đảm bảo tính khách quan, khoa học khi nhìn nhận các vấn đề, sự kiện của mối quan hệ.

Mặc dù vậy, các công trình, bài viết nói trên là nguồn tài liệu tham khảo rất quý giá, là cơ sở quan trọng để tác giả luận án tiếp tục đưa ra các ý tưởng, quan điểm khoa học, cấu trúc nội dung cũng như lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu phù hợp. Nhất là từ việc kế thừa những kết quả của các công trình nghiên cứu đi trước, đồng thời bổ sung nguồn tư liệu mới, luận án sẽ nghiên cứu hệ thống, toàn diện và làm rõ tiến trình vận động, phát triển của quan hệ Nhật - Việt trên các lĩnh vực CT - NG, kinh tế và AN - QP. Tác giả luận án hy vọng sẽ đóng góp một hướng nghiên cứu khách quan, khoa học về quan hệ Nhật - Việt từ năm 2002 đến năm 2018 dưới góc độ Sử học.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002 - 2018

2.1. Những cơ sở lịch sử, văn hóa

Thứ nhất, quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 phát triển trên cơ sở sự gần gũi về vị trí địa lý, một số điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên, các mối liên hệ trong lịch sử và những nét tương đồng về văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng, phong tục... cùng lịch sử mối quan hệ giao lưu đã được xác lập từ khá sớm.

Thứ hai, những thành quả quan trọng trong quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 1973 - 2001 trở thành cơ sở lịch sử quan trọng, là nền tảng vững chắc và cú hích cho sự phát triển và mở rộng quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 và các giai đoạn tiếp theo.

2.2. Những nhân tố tác động

Thứ nhất, bối cảnh quốc tế và khu vực như: Cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra ngày càng nhanh hơn; tính chất, nội dung và phương thức tập hợp lực lượng trong QHQT có sự thay đổi căn bản; cách mạng khoa học, công nghệ và toàn cầu hóa ngày càng phát triển; môi trường chính trị và an ninh quốc tế có những diễn biến phức tạp... Ở khu vực Đông Á, các quốc gia vừa hợp tác, vừa cạnh tranh trong cùng tồn tại hòa bình và phát triển; là nơi đan xen lợi ích, điều chỉnh và cạnh tranh ảnh hưởng cùng mối quan hệ phức tạp giữa các nước lớn; cấu trúc của khu vực Đông Á đã định hình tương đối; là khu vực có sự hợp tác, liên kết và hội nhập đồng thời với cạnh tranh diễn ra sôi động và quyết liệt với nhiều tầng nấc khác nhau;

những thách thức tiền ẩn và những khác biệt giữa một số nước ở khu vực tiếp tục nổi lên…

Thứ hai, nhân tố nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ và sự điều chỉnh chiến lược của các này đối với khu vực cùng sự tăng cường quan hệ với Việt Nam đã có những tác động nhất định đến Nhật Bản và Việt Nam cũng như mối quan hệ Nhật - Việt.

Bối cảnh quốc tế, khu vực và nhân tố nước lớn là những nhân tố khách quan, có tác động quan trọng đến quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018.

Thứ ba, vị trí của Nhật Bản và Việt Nam trong CSĐN của mỗi nước. Nhật Bản và Việt Nam là hai quốc gia có vị trí địa - chiến lược, chính trị, an ninh và kinh tế rất quan trọng ở khu vực và đối với mỗi nước. Cho nên, trong CSĐN nói chung, chính sách khu vực nói riêng, cả Nhật Bản và Việt Nam đều dành cho nhau những vị trí nhất định. Đây là nhân tố chủ quan, có ý nghĩa quyết định tác động đến sự phát triển mối quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018.

CHƯƠNG 3: QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU (2002 - 2018)

3.1. Các khung pháp lý của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam

Trong 16 năm (2002 - 2018), với hơn 30 chuyến thăm cấp cao, hai nước đã ký kết được nhiều văn kiện quan trọng liên quan đến quan hệ Nhật - Việt trên lĩnh vực CT - NG, kinh tế và AN - QP. Tiêu biểu là các Tuyên bố chung như: Tuyên bố chung về thiết lập quan hệ "*Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài*" (4/2002); Tuyên bố chung về nâng cấp và thiết lập "*Quan hệ đối tác chiến lược*" (4/2009) và Tuyên bố chung về nâng cấp và mở rộng nội hàm mối quan hệ lên thành "*Quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng*" (3/2014). Bên cạnh đó là các văn bản, hiệp định quan trọng về kinh tế và AN - QP như: Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư (12/2004); Sáng kiến chung Nhật - Việt nhằm cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường sức cạnh tranh của Việt Nam (4/2003); Hiệp định Thương mại tự do Nhật - Việt (2006); Chương trình Hỗ trợ quốc gia cho Việt Nam (7/2009); JVEPA (2008); Các hiệp định, kế hoạch, thỏa thuận viện trợ ODA hàng năm cho Việt Nam; Bản Ghi nhớ giữa Bộ Quốc phòng Nhật Bản và Bộ Quốc phòng Việt Nam về Hợp tác và Trao đổi quốc phòng song phương (2011); Tuyên bố Tầm nhìn chung về Hợp tác quốc phòng hướng tới thập niên tiếp theo (2018)... Đây là những cơ sở

chính trị và khung pháp lý quan trọng để hai nước tăng cường, phát triển và mở rộng mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực giai đoạn 2002 - 2018 và giai đoạn tiếp theo.

3.2. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Có thể nhận thấy từ năm 2002 đến năm 2018, quan hệ Nhật - Việt trên lĩnh vực này không bị ngắt quãng mà liên tục phát triển, đi vào chiều sâu và thực chất cả trên bình diện song phương và đa phương. Trong 16 năm (2002 - 2018), lãnh đạo cấp cao hai nước đã thực hiện khoảng 33 chuyến thăm chính thức - đây là con số cao nhất trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn, phát triển, các đối tác chiến lược, điều này thể hiện tầm quan trọng của quan hệ Nhật - Việt trong thế kỷ XXI. Trong số đó, có một số chuyến thăm tiêu biểu, mang lại những kết quả quan trọng, trở thành những điểm nhấn, dấu mốc lịch sử quan trọng đối với sự phát triển mối quan hệ giữa hai nước như: *Về phía Nhật Bản*, có chuyến thăm và làm việc chính thức Việt Nam của Thủ tướng Koizumi (2002), Thủ tướng Shinzo Abe (2013) và Nhật hoàng Akihito cùng Hoàng hậu (2017)... *Về phía Việt Nam* là chuyến thăm và làm việc chính thức Nhật Bản của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (2007), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh (2009) và của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (2014)... Thành quả lớn nhất trên lĩnh vực CT - NG giai đoạn này là hai nước đã nâng cấp và thiết lập quan hệ "*Đối tác chiến lược*", sau đó mở rộng nội hàm lên thành "*Đối tác chiến lược sâu rộng*".

3.3. Trên lĩnh vực kinh tế

Quan hệ hợp tác kinh tế Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 được xem là điểm sáng lớn nhất trong bức tranh toàn cảnh mối quan hệ Nhật - Việt giai đoạn này.

* *Về thương mại,* Nhật Bản luôn là một trong những đối tác thương mại lớn của Việt Nam và Việt Nam cũng là đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Nhật Bản ở khu vực. Cụ thể, nếu năm 2002, kim ngạch thương mại hai chiều mới chỉ đạt hơn 4.940 triệu USD, thì đến năm 2018, tổng kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng lên gần 38.000 triệu USD, tăng gần 8 lần. Cán cân trao đổi thương mại giữa hai nước tương đối cân bằng, cơ cấu các mặt hàng xuất nhập khẩu chính có tính bổ sung cho nhau, cả Nhật Bản và Việt Nam ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong trao đổi thương mại quốc tế của mỗi nước, nhất là đối với Việt Nam.

** Về đầu tư*

- Thực trạng đầu tư FDI từ Nhật Bản vào Việt Nam. Từ năm 2002 đến năm 2018 thực sự là giai đoạn bùng nổ các làn sóng đầu tư FDI của Nhật Bản vào Việt Nam, với số dự án và số vốn đầu tư đăng ký cũng như vốn thực hiện không ngừng tăng lên qua các năm. Lũy kế đến ngày 31/12/2018, Nhật Bản đứng thứ hai trong tổng số 135 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, với 4.007 dự án, chiếm gần 14,6% tổng số dự án, tổng số vốn đầu tư đăng ký hơn 57.372 triệu USD, chiếm hơn 18,8% tổng vốn đầu tư FDI tại Việt Nam. Các nhà đầu tư Nhật Bản đã đầu tư ở 19 ngành và lĩnh vực và có mặt ở 54/63 tỉnh thành của Việt Nam, quy mô dự án FDI của Nhật Bản tại Việt Nam luôn có xu hướng tăng, đặc biệt xuất hiện những dự án có quy mô rất lớn trong giai đoạn này.

- Thực trạng đầu tư FDI từ Việt Nam vào Nhật Bản. Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2018, các doanh nghiệp, nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ở Nhật Bản 61 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký và cấp mới đạt 19,7 triệu USD, chiếm hơn 5,2% số dự án và chưa đầy 1% tổng vốn đầu tư FDI của Việt Nam ra bên ngoài. Nhật Bản đứng vị trí thứ 32/57 quốc gia, vùng lãnh thổ có hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam. Lĩnh vực mà các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư chủ yếu là thông tin - truyền thông, khoa học và công nghệ, bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, du lịch, dịch vụ lưu trú, nhà hàng, cơ sở chế biến, chế tạo...

** Về Viện trợ phát triển chính thức (ODA)*

Nhật Bản luôn là nước tài trợ và viện trợ ODA hàng đầu cho Việt Nam, Nhật Bản đã viện trợ cho Việt Nam khoảng 27.800 triệu USD, trong đó vốn vay là 26.000 triệu USD và vốn viện trợ không hoàn lại là 1.800 triệu USD, chiếm trên 30% tổng nguồn vốn ODA các nước cam kết dành cho Việt Nam, Nhật Bản trở thành nước viện trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam và Việt Nam cũng là nước nhận ODA lớn nhất của Nhật Bản.

3.4. Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Không giống như lĩnh vực CT - NG và kinh tế, hợp tác trên lĩnh vực AN - QP song phương Nhật - Việt diễn ra muộn hơn. Mặc dù hai nước đã có sự hợp tác về AN - QP đa phương từ trước đó thông qua ASEAN và một số cơ chế hợp tác đa phương khác như UN, ARF, EAS… nhưng

phải tới năm 2007 hai nước mới bắt đầu đề cập đến hợp tác AN - QP song phương, đặc biệt là sau khi hai nước nâng cấp và thiết lập quan hệ "*Đối tác chiến lược*" (2009) và việc Bộ trưởng Quốc phòng hai nước ký Bản ghi nhớ về Hợp tác và Trao đổi quốc phòng song phương (2011) thì hợp tác về AN - QP song phương giữa Nhật Bản và Việt Nam mới thực sự được triển khai và mang lại những kết quả tích cực đối với cả hai nước, nhất là Việt Nam. Hai nước đã tổ chức và duy trì Đối thoại chính sách quốc phòng Nhật - Việt cấp Thứ trưởng hằng năm từ năm 2012; duy trì cơ chế Đối thoại An ninh chiến lược cấp Thứ trưởng Nhật - Việt từ năm 2013; lần đầu tiên tổ chức Hội nghị Đảm bảo An ninh trên biển (5/2013) và duy trì tổ chức thường xuyên… Đặc biệt, tháng 7/2014, Nhật Bản đã tuyên bố kế hoạch sử dụng gói hỗ trợ phát triển cho nước ngoài để cung cấp 6 tàu tuần tra đã qua sử dụng cho các cơ quan chấp pháp biển của Việt Nam. Bên cạnh đó, Nhật Bản và Việt Nam đã tổ chức nhiều đoàn đại biểu của Lực lượng Phòng vệ trên biển Nhật Bản và Hải quân Nhân dân Việt Nam, Cảnh sát Biển Việt Nam sang thăm và giao lưu với nhau…

3.5. Về hợp tác đa phương

Không dừng lại ở quan hệ hợp tác song phương, hợp tác đa phương Nhật - Việt cũng được triển khai hợp tác trên nhiều lĩnh vực, từ CT - NG, kinh tế đến AN - QP và ở trong các tổ chức quốc tế, khu vực, tại các diễn đàn, hội nghị quốc tế… mà hai nước là thành viên hoặc được mời tham dự. Nhật Bản luôn có những đóng góp và sự ủng hộ tích cực, thực chất đối với Việt Nam như: ủng hộ Việt Nam trở thành Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an UN nhiệm kỳ 2008 - 2009, gia nhập WTO, đánh giá cao vai trò của Việt Nam trong năm Chủ tịch ASEAN (2010), là nước đầu tiên trong nhóm G7 mời Việt Nam tham gia Hội nghị Cấp cao G7 mở rộng (2016)… Ngược lại, Việt Nam luôn có những tiếng nói và hành động cụ thể để ủng hộ Nhật Bản như: Ủng hộ Nhật Bản trở thành Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an UN và Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an UN nhiệm kỳ 2009 - 2010 và 2016 - 2017, vai trò của Nhật Bản ở khu vực ĐNA và ASEAN cũng như quan hệ Nhật Bản - ASEAN…

Đối với những vấn đề chung, hai nước khẳng định tăng cường phối hợp và hợp tác sâu rộng tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như UN, APEC, ASEM, EAS, ASEAN+3, ADMM+, ARF... góp phần tích cực,

mang tính xây dựng vào hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển tại khu vực và trên thế giới.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ NHẬT BẢN - VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002 - 2018

4.1. Những kết quả đạt được và hạn chế

4.1.1. Những kết quả đạt được

** Về chính trị - ngoại giao*

Tiến trình quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 luôn vận động và phát triển thuận lợi liên tục, từ thấp tới cao, từ quan hệ "*Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài*" rồi hướng tới quan hệ "*Đối tác chiến lược*" (2002 - 2008) và từ quan hệ "*Đối tác chiến lược*" đến "*Đối tác chiến lược sâu rộng*" (2009 - 2018). Điểm nhấn trong quan hệ Nhật - Việt giai đoạn này là ngoài việc nâng cấp quan hệ lên thành đối tác chiến lược, là việc lãnh đạo hai nước thường xuyên tiến hành những chuyến thăm cấp cao, nhất là chuyến thăm và làm việc lần đầu tiên của lãnh đạo cấp cao hai nước. Bên cạnh đó, hai nước còn phối hợp tham vấn, ủng hộ và song hành trên nhiều vấn đề quốc tế và khu vực.

** Về kinh tế*

Trên lĩnh vực thương mại, trong giai đoạn 2002 - 2018, tổng kim ngạch trao đổi thương mại Nhật - Việt đạt 323.661 triệu USD, trong đó, Nhật Bản có 9 năm xuất siêu sang Việt Nam và 8 năm nhập siêu. Cụ thể, Nhật Bản xuất khẩu sang Việt Nam giá trị hàng hóa đạt 159.671 triệu USD, trong khi đó lại nhập khẩu từ Việt Nam đạt giá trị 163.990 triệu USD, Việt Nam xuất siêu sang Nhật Bản trị giá tới 4.319 triệu USD.

Lĩnh vực đầu tư cũng là điểm sáng trong quan hệ hai nước giai đoạn này, từ năm 2002, hợp tác đầu tư, nhất là hoạt động đầu tư từ Nhật Bản vào Việt Nam đã thực sự bùng nổ, tạo thành những làn sóng đầu tư mới. Ngược lại, dù còn khiêm tốn so với FDI của Nhật Bản, nhưng nguồn vốn FDI của Việt Nam tại Nhật Bản cũng đóng góp đáng kể vào mối quan hệ giữa hai nước và có ý nghĩa rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình vươn ra biển lớn và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trên lĩnh vực viện trợ ODA, Nhật Bản luôn dành cho Việt Nam vị trí ưu tiên cao nhất. Bên cạnh số liệu do Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố, theo số liệu thống kê mà tác giả tổng hợp trong các Báo cáo thường niên của JICA từ năm 2003 đến hết năm 2018, thông quan JICA, Nhật Bản đã viện trợ và hỗ trợ

cho Việt Nam số tiền là 1.549.951 triệu Yên, chiếm 37,1% trong tổng số 4.167.905 triệu Yên mà Nhật Bản viện trợ cho các nước ở khu vực ĐNA giai đoạn này. Còn theo số liệu của Bộ Ngoại giao Nhật Bản công bố, lũy kế đến hết năm 2017, Nhật Bản đã viện trợ và hỗ trợ cho Việt Nam tổng số tiền hơn 22.124 triệu USD vốn đăng ký và giải ngân được hơn 18.169 triệu USD.

* *Về an ninh - quốc phòng*

Tuy diễn ra muộn hơn so với các lĩnh vực khác, nhưng lại là lĩnh vực có sự hợp tác khá sôi động và mang lại những kết quả bước đầu có ý nghĩa đối với cả hai nước, nhất là đối với Việt Nam. Thành quả quan trọng nhất là việc Nhật Bản và Việt Nam ký kết Bản Ghi nhớ Hợp tác và Trao đổi Quốc phòng song phương (2011), việc Nhật Bản chuyển giao các tàu tuần tra đã qua sử dụng, cung cấp ODA và đưa ra những hình thức hoạt động, hợp tác cụ thể, phù hợp với nhu cầu, năng lực và tiềm lực của mỗi nước trong bối cảnh khu vực có nhiều biến động, diễn biến phức tạp và khó đoán định, nhất là liên quan đến vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của hai nước.

4.1.2. Những hạn chế

* *Về chính trị - ngoại giao,* so với việc nâng cấp và thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam với các nước lớn, phát triển thì quan hệ đối tác chiến lược Nhật - Việt vẫn diễn ra chậm hơn so với một số nước.

* *Về kinh tế,* nhiều lĩnh vực hợp tác thiếu sự cân bằng, đồng đều và hợp tác một chiều, chủ yếu là từ Nhật Bản như hợp tác đầu tư, viện trợ ODA…

* *Về an ninh - quốc phòng* vẫn còn những hạn chế nhất định xuất phát từ nội tại cũng như thực lực chưa đáp ứng được nhu cầu hợp tác của hai nước và nhân tố nước lớn đã có những chi phối nhất định đến quan hệ Nhật - Việt trên lĩnh vực này.

4.2. Đặc điểm

- Tuy có những thăng trầm, nhưng quan hệ Nhật Bản - Việt Nam giai đoạn này nhìn chung phát triển thuận lợi và tích cực trên các lĩnh vực.

- Đây là mối quan hệ "bất cân xứng" xét trên nhiều phương diện, nhưng mặt cơ hội lớn hơn thách thức, mặt hợp tác lớn hơn cạnh tranh vì sự song trùng lợi ích giữa hai nước.

- Quan hệ hai nước ít chịu những tác động không thuận chiều từ nhân tố nước lớn so với quan hệ Mỹ - Việt Nam (nhân tố Trung Quốc) hay Trung Quốc - Việt Nam (nhân tố Mỹ).

- So với một số "đối tác chiến lược toàn diện" của Việt Nam, quan hệ "Đối tác chiến lược" Nhật Bản - Việt Nam diễn ra toàn diện và sâu rộng hơn.

4.3. Tác động của quan hệ Nhật Bản - Việt Nam đối với hai nước và khu vực

4.3.1. Đối với Nhật Bản

Thông qua mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam, Nhật Bản đã đạt được nhiều mục tiêu chiến lược như: Góp phần hiện thực hóa mục tiêu trở thành "*cường quốc toàn diện*" và chủ trương "*Hướng về châu Á*", nhất là chính sách ĐNA, có sự hiện diện thường xuyên, liên tục và hội nhập sâu rộng hơn vào không gian CA - TBD, Đông Á, nhất là khu vực ĐNA và nâng cao vai trò, ảnh hưởng, vị thế ở khu vực và trong ASEAN. Giải quyết được những khó khăn trong nước, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu và đầu tư của các doanh nghiệp Nhật Bản...

Bên cạnh những tác động tích cực, quan hệ Nhật - Việt cũng có những tác động không thuận chiều đối với Nhật Bản.

4.3.2. Đối với Việt Nam

Quan hệ hợp tác với Nhật Bản đã tác động rất lớn đến Việt Nam trên nhiều phương diện: Góp phần thực hiện thành công chủ trương "*đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại*" và chính sách "*cân bằng*" quan hệ với các nước lớn của Việt Nam. Tranh thủ được những ưu thế, sức mạnh và tiềm lực lớn của Nhật Bản để phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước, HNQT và bảo vệ đất nước, nâng cao uy tín, vị thế và tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế...

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, thuận chiều thì quan hệ với Nhật Bản cũng có những tác động không thuận đối với Việt Nam.

4.3.3. Đối với khu vực

Quan hệ Nhật - Việt đã có những tác động nhất định đối với khu vực Đông Á, nhất là ĐNA trên nhiều khía cạnh như: Góp phần quan trọng vào xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, liên kết và phát triển ở khu vực; mở rộng các cơ chế hợp tác liên kết kinh tế đa phương ở khu vực, góp thêm tiếng

nói để đưa ra những giải pháp phù hợp cho các vấn đề khu vực, phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước trong khu vực. Đồng thời, quan hệ hai nước tốt đẹp còn có ý nghĩa thúc đẩy việc củng cố đoàn kết trong nội bộ các tổ chức quốc tế, các diễn đàn, hội nghị và hợp tác kinh tế đa phương quan trọng ở khu vực mà hai nước là thành viên như APEC, EAS, CPTPP, RCEP, JACEP...

Tuy nhiên, quan hệ Nhật - Việt phát triển cũng có những tác động không thuận lợi đối với Đông Á, ĐNA và ASEAN.

4.4. Những vấn đề đặt ra và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản

4.4.1. Những vấn đề đặt ra

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Một trong những trở ngại và vấn đề đặt ra trong quan hệ Nhật - Việt trên lĩnh vực này là sự khác biệt về thể chế kinh tế, chính trị, mô hình nhà nước, trình độ phát triển, về đường lối xây dựng và phát triển đất nước, về cơ chế quản lý, vận hành, thủ tục hành chính… đặc biệt là mục tiêu chiến lược và lợi ích quốc gia - dân tộc của Nhật Bản và Việt Nam không hoàn toàn giống nhau. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về trình độ phát triển, ưu thế và tiềm lực về vốn, tài chính, thị trường, khoa học và công nghệ, quốc phòng, vị thế quốc tế… của mỗi nước cũng là vấn đề đặt ra lớn trong quan hệ Nhật - Việt, nhất là đối với Việt Nam.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Về thương mại, đó là cơ cấu các sản phẩm xuất nhập khẩu của hai nước còn nhiều bất cập. Tỷ trọng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam trong tổng kim ngạch ngoại thương của Nhật Bản khá khiêm tốn.

Về đầu tư, tình trạng đầu tư FDI một chiều, nhưng so với một số nước ở khu vực, Việt Nam vẫn đang tồn tại một số trở ngại lớn, cản trở các nhà đầu tư Nhật Bản đến đầu tư.

Về ODA, tình trạng viện trợ một chiều từ phía Nhật Bản và việc sử dụng nguồn vốn này của Việt Nam vẫn còn những vấn đề gây ảnh hưởng đến quan hệ hai nước.

** Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*

So với CT - NG và kinh tế, thì hợp tác về lĩnh vực này diễn ra khá muộn và do thực lực còn hạn chế nên hiệu quả chưa thực sự cao, trong khi nhu cầu hợp tác giữa hai nước là rất lớn, nhất là từ phía Việt Nam.

4.4.2. Một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản

** Trong quan hệ về chính trị - ngoại giao:*

Ở cấp độ song phương, Việt Nam cần tiếp tục quán triệt nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, thể chế kinh tế, chính trị, mô hình nhà nước và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Nhật Bản; tham vấn, trao đổi và phối hợp với Nhật Bản xây dựng và có lộ trình cụ thể nhằm nâng cấp và mở rộng mối quan hệ lên tầm cao mới - đó là quan hệ "*Đối tác chiến lược toàn diện*" hoặc "*Đối tác chiến lược toàn diện sâu rộng*"; tăng cường các chuyến thăm, làm việc chính thức, không chính thức và gặp gỡ cấp cao, các cấp, triển khai đồng bộ các kênh ngoại giao, kết nối các địa phương, tranh thủ sự ủng hộ của Hoàng gia Nhật Bản, các cá nhân là lãnh đạo và nguyên lãnh đạo cấp cao của Nhật Bản đối với mối quan hệ Nhật - Việt.

Ở cấp độ đa phương, bên cạnh việc hợp tác và ủng hộ vai trò của Nhật Bản trên trường quốc tế, thì Việt Nam cũng cần tranh thủ sự ủng hộ của Nhật Bản; chủ động phối hợp với Nhật Bản đưa ra những sáng kiến, đề xuất trong các cơ chế hợp tác, liên kết và hội nhập ở khu vực và phát huy hơn nữa vai trò để Nhật Bản hội nhập sâu rộng và hiện diện thường xuyên hơn ở khu vực ĐNA, ASEAN… Đặc biệt là ủng hộ Nhật Bản trở thành Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an UN khi cơ quan này cải tổ và mở rộng thành viên.

** Trong quan hệ hợp tác về kinh tế:*

Ở tầm vĩ mô, để hướng tới kết nối giữa hai nền kinh tế, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa các quan hệ kinh tế có tính chất bổ sung và khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của nhau. Đề nghị Nhật Bản chia sẻ kinh nghiệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và cử nhiều hơn chuyên gia sang giúp Việt Nam, mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực khác; sử dụng đồng nội tệ trong trao đổi thương mại, hợp tác đầu tư, du lịch… Đặc biệt, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về kinh tế, thực hiện nghiêm các cam kết

quốc tế và các hiệp định thương mại đa phương, cải cách hiệu quả hơn những vấn đề bên trong của nền kinh tế.

Ở cấp vi mô, bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận, hiệp định, bản ghi nhớ về hợp tác kinh tế mà hai bên đã ký kết thì Việt Nam cần chủ động đề xuất phía Nhật Bản cùng rà soát, đánh giá lại các văn bản này, loại bỏ những điều khoản không còn phù hợp, bổ sung các quy định, đề xuất các biện pháp hữu hiệu, cụ thể và thiết thực hơn, duy trì và thực hiện tốt kết quả các cuộc họp Sáng kiến chung Nhật - Việt về cải thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam giai đoạn tiếp theo. Có những giải pháp cụ thể để duy trì sự cân bằng trong cán cân trao đổi thương mại, hướng tới tăng dần tỷ trọng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tổng kim ngạch ngoại thương của Nhật Bản; khắc phục tình trạng một chiều trong hợp tác đầu tư và viện trợ ODA; vận động Nhật Bản duy trì, thậm chí tăng thêm viện trợ ODA cho Việt Nam… Đặc biệt, do chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển và tiềm lực kinh tế nên trong hợp tác kinh tế với Nhật Bản, Việt Nam phải đặc biệt chú ý đến những vấn đề "*nhạy cảm*" liên quan đến trao đổi thương mại, tiếp nhận viện trợ ODA, chuyển giao công nghệ, dây chuyền thiết bị, máy móc từ Nhật Bản...

** Trong quan hệ hợp tác về an ninh - quốc phòng:*

Ở cấp vĩ mô, bên cạnh việc thực hiện tốt các nội dung về AN - QP trong các tuyên bố chung và các hiệp định, bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác trên lĩnh vực này đã ký kết cùng các cơ chế đối thoại về AN - QP đã có, Việt Nam cần có những đề xuất với Nhật Bản để nâng cấp và mở rộng hơn các cơ chế đối thoại và các hoạt động hợp tác cụ thể. Nhất là việc nâng cấp cơ chế đối thoại về chính sách quốc phòng cấp Thứ trưởng lên cấp Bộ trưởng Quốc phòng; triển khai có hiệu quả Tuyên bố Tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng hướng tới thập niên tiếp theo (2018), Thỏa thuận chuyển giao trang bị, công nghệ quốc phòng (2021), Bản Ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực quân y và Bản Ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực an ninh mạng (2021)...

Trong hợp tác cụ thể, Việt Nam cần tận dụng tối đa những sự hỗ trợ, tranh thủ những điều chỉnh trong lĩnh vực này của Nhật Bản để nâng cao tiềm lực quốc phòng cho mình; ngoài việc vận động và nhận hỗ trợ, viện trợ ODA dưới dạng các trang thiết bị AN - QP, tàu tuần tra đã qua sử dụng… của Nhật Bản thì Việt Nam cũng cần có những hoạt động hợp tác cụ thể tương ứng đối với Nhật Bản; tăng cường các chuyến thăm, trao đổi

thông tin, giao lưu giữa lực lượng AN - QP hai nước, có những hành động thiết thực hơn liên quan tới bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Nhật Bản.

Liên quan đến việc xử lý và giải quyết những vấn đề liên quan đến an ninh và chủ quyền biển, đảo ở Biển Đông. Từ thực tiễn của Nhật Bản, Việt Nam cần có chính sách ngoại giao khôn khéo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo. Là quốc gia với tiềm lực còn hạn chế, Việt Nam rất dễ bị thua thiệt trong tranh chấp chủ quyền biển, đảo với các nước láng giềng. Do đó, việc thể hiện một thái độ mềm dẻo, linh hoạt nhưng "*kiên quyết, kiên trì*", chủ động phối hợp với Nhật Bản và các nước ASEAN để đưa ra quan điểm giải quyết thống nhất với các bên liên quan là điều hết sức cần thiết đối với Việt Nam.

Trong hợp tác AN - QP đa phương, Việt Nam cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ, tích cực tham vấn với Nhật Bản nhằm tìm ra những tương đồng và tiếng nói chung trong các cơ chế, diễn đàn hợp tác đa phương ở khu vực và thế giới, nhất là ủng hộ vai trò và các đề xuất, sáng kiến của hai nước trong các cơ chế hợp tác này. Liên quan đến vấn đề tranh chấp chủ quyền biển, đảo ở Biển Hoa Đông, an ninh ở Biển Đông và khu vực liên quan tới Nhật Bản, Việt Nam cần tăng cường trao đổi, tham vấn với Nhật Bản để hiểu hơn quan điểm của nhau, đồng thời ủng hộ quan điểm của Nhật Bản liên quan đến những vấn đề này trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Đặc biệt, từ thực tiễn quan hệ song phương Nhật - Việt cũng như những bài học trong quan hệ với các nước lớn của Việt Nam thời hiện đại. Trong quan hệ với Nhật Bản, bên cạnh thực hiện nhất quán chính sách quốc phòng "*Bốn không*", theo tác giả luận án, Việt Nam nên thực hiện "*Bốn cần*" và "*Bốn tránh*". "*Bốn cần*" đó là: (i) Cần tiếp tục duy trì sự tin cậy cao về chính trị; (ii) Cần tiếp tục ủng hộ Nhật Bản trở thành Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an UN khi cơ quan này cải tổ và mở rộng thành viên; (iii) Cần triệt để khai thác lợi thế trong hợp tác kinh tế; và (iv) Cần tranh thủ tối đa nguồn vốn ODA và hỗ trợ về quốc phòng của Nhật Bản. "*Bốn tránh*" đó là: (i) Tránh làm mất thể diện nước lớn của Nhật Bản; (ii) Tránh lý do để quan hệ hợp tác với Việt Nam mà buộc Nhật Bản phải lựa chọn hoặc Việt Nam hoặc một nước khác; (iii) Tránh tình trạng quan hệ hợp tác một chiều; và (iv) Tránh để bị lôi kéo vào các tập hợp lực lượng phục vụ cho lợi ích và mưu đồ của Nhật Bản.

Việt Nam rất cần quan hệ tốt với Nhật Bản để phát triển đất nước cũng như "*kiên quyết, kiên trì*" đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo

trên cơ sở luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, trong một số tình huống cụ thể cũng phải "*biết mình, biết người*", cân nhắc tính đến lợi ích của Nhật Bản trong quan hệ với các nước lớn để đưa ra biện pháp đấu tranh phù hợp. Lịch sử hiện đại đã chứng minh, các nước lớn sẵn sàng thỏa hiệp với nhau trên lưng các nước khác, bài học này Việt Nam là nước hiểu hơn hết. Do đó, kết hợp thực hiện chính sách quốc phòng "*Bốn không*" và bài học "*Bốn cần*", "*Bốn tránh*" trong bối cảnh hiện nay cũng như thực trạng quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 là hết sức cần thiết đối với việc nâng cấp và mở rộng mối quan hệ Nhật - Việt trong thời gian tới.

Trên cơ sở thực trạng quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản như trên, dự báo trong thời gian tới, triển vọng mối quan hệ Nhật - Việt là rất sáng sủa và sẽ tiếp tục phát triển nhanh chóng ở cấp độ cao hơn, hai nước sẽ tiến tới nâng cấp và mở rộng nội hàm mối quan hệ lên tầm "*Đối tác chiến lược toàn diện*", thậm chí là "*Đối tác chiến lược toàn diện sâu rộng*", dựa trên những cơ sở lịch sử và thực tiễn sau: Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 trên lĩnh vực CT - NG, kinh tế và AN - QP như đã trình bày ở trên, thì từ năm 2019 đến nay, quan hệ hai nước nói chung, trên các lĩnh vực này nói riêng vẫn tiếp tục được tăng cường, phát triển và mở rộng, đạt được nhiều kết quả quan trọng, có ý nghĩa lịch sử đối với mối quan hệ Nhật - Việt. Những kết quả đó vừa là cơ sở lịch sử, vừa là cơ sở thực tiễn và cú hích quan trọng để hai nước tiếp tục thúc đẩy và mở rộng, nâng cấp mối quan hệ lên tầm cao mới. Đặc biệt, năm 2023 sẽ là năm hai nước kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1973 - 2023), đây sẽ là cơ hội tuyệt vời để Nhật Bản và Việt Nam có thể hiện thực hóa mục tiêu này. Hơn nữa, trong thời gian tới, dự báo bối cảnh quốc tế và khu vực sẽ có nhiều thay đổi, tác động lớn đến mối quan hệ Nhật - Việt, tuy nhiên, xét về cơ hội thì những tác động thuận chiều sẽ chi phối và tạo điều kiện để hai nước phát triển và nâng cấp mối quan hệ. Bên cạnh đó, sự gần gũi về vị trí địa lý, những cơ sở lịch sử, văn hóa... đã từng thúc đẩy quan hệ Nhật - Việt trong quá khứ và hiện tại vẫn tiếp tục là cơ sở và nền tảng tin cậy và vững chắc cho sự phát triển mối quan hệ Nhật - Việt trong tương lai. Việc "*tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Nhật Bản và Việt Nam là phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước, của khu vực và thế giới*" sẽ mở ra nhiều cơ hội và triển vọng tươi sáng cho mối quan

hệ Nhật - Việt tiếp tục phát triển toàn diện, sâu rộng và ở tầm vóc cao hơn trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu mối quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018, có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Sự vận động và phát triển của mối quan hệ Nhật - Việt trong giai đoạn này bị tác động bởi nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài. Trước hết là những nhân tố bên trong như: Sự gần gũi về vị trí địa lý, các mối liên hệ lịch sử, những nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa và những kết quả đạt được trong quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 1973 - 2001… nhất là vị trí và tầm quan trọng của hai nước đối với sự phát triển của cả Nhật Bản và Việt Nam cũng như mối quan hệ Nhật - Việt. Hai là những nhân tố mới bên ngoài, bao gồm: Bối cảnh quốc tế, khu vực, nhân tố nước lớn… trong đó, nhân tố nước lớn và bối cảnh khu vực Đông Á đã có những tác động nhất định đến mỗi nước cũng như quan hệ Nhật - Việt.

2. Từ thực trạng mối quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 cho thấy, quan hệ hai nước không có sự khác biệt và những va chạm lớn, ngược lại còn có tính bổ sung cho nhau, sự ổn định, phát triển và thịnh vượng của Nhật Bản tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển và ngược lại. Trong 16 năm, Nhật Bản và Việt Nam đã ký kết được rất nhiều văn kiện, hiệp định, thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác trên nhiều lĩnh vực, trở thành cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng cho các lĩnh vực quan hệ hợp tác phát triển và mở rộng.

3. Bên cạnh những kết quả đạt được, quan hệ Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 vẫn còn những hạn chế nhất định. Đó là quan hệ CT - NG và hợp tác về AN - QP bị ảnh hưởng, chi phối nhất định từ yếu tố bên ngoài, thực lực của hai nước còn hạn chế nên có những lúc, những thời điểm sự hợp tác không diễn ra theo đúng kế hoạch, cam kết. Quan hệ hợp tác kinh tế cũng có hạn chế nhất định do bị tác động của tình hình kinh tế thế giới, những ảnh hưởng của chính sách đối nội dẫn tới tình trạng trao đổi thương mại, hợp tác đầu tư, viện trợ ODA… có những thời điểm không đạt được kết quả như mong muốn, tình trạng hợp tác một chiều từ Nhật Bản của Việt Nam về đầu tư FDI và viện trợ ODA, giá trị và cơ cấu sản phẩm xuất nhập khẩu giữa hai nước có sự khác biệt lớn, tỷ trọng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tổng kim ngạch ngoại thương của Nhật Bản quá thấp, trong khi của Nhật Bản lại cao hơn nhiều…

4. Từ thực trạng mối quan hệ, nhất là trên cơ sở làm rõ những kết quả đạt được và hạn chế, có thể thấy đặc điểm lớn nhất của mối quan hệ

Nhật - Việt giai đoạn 2002 - 2018 là sự phát triển liên tục, không bị ngắt quãng và luôn vận động theo chiều hướng tích cực, đi lên, từ đối tác tin cậy đến đối tác chiến lược và mở rộng nội hàm lên thành đối tác chiến lược sâu rộng. Dù có sự khác biệt, chênh lệch, song quan hệ hai nước lại không có xung đột mà luôn bổ sung cho nhau cùng phát triển, đây là điều hiếm có trong các quan hệ quốc tế song phương ở khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, một đặc điểm nữa dễ nhận thấy là quan hệ Nhật - Việt giai đoạn này ít chịu ảnh hưởng lớn bởi những tác động không thuận chiều của nhân tố nước lớn so với các mối quan hệ khác của Việt Nam. Đặc biệt, so với các đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam, thì quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng giữa Nhật Bản và Việt Nam diễn ra toàn diện, sâu rộng và mang lại nhiều kết quả có ý nghĩa thiết thực hơn đối với hai nước, nhất là Việt Nam.

5. Quan hệ Nhật - Việt giai đoạn này đã có những tác động rất lớn đối với hai nước và khu vực, nhất là Việt Nam trên những khía cạnh và phương diện khác nhau, có cả mặt tích cực, thuận chiều, nhưng cũng có mặt tiêu cực, không thuận chiều, trong đó mặt tích cực, thuận chiều là nổi trội và chi phối nhất.

6. Trên cơ sở những hạn chế và vấn đề đặt ra, luận án đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Nhật Bản nhằm tăng cường, phát triển, nâng cấp và mở rộng mối quan hệ Nhật - Việt trong những năm tiếp theo. Trong số hàm ý chính sách đưa ra, tác giả luận án tâm đắc nhất là nhóm hàm ý chính sách về hợp tác kinh tế. Bởi đây là lĩnh vực quan trọng nhất trong quan hệ giữa hai nước, hiệu quả hợp tác kinh tế luôn được xem là thước đo để đánh giá hiệu quả các mối quan hệ song phương nói chung, quan hệ Nhật - Việt nói riêng. Đặc biệt, trên cơ sở những kết quả đạt được trong 16 năm qua cùng với những thuận lợi của bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước, một số hàm ý chính sách đưa ra, tác giả luận án tin tưởng rằng triển vọng mối quan hệ Nhật - Việt trong thời gian tới hứa hẹn sẽ có một tương lai rất tốt đẹp.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Hoàng Văn Hiển, Nguyễn Văn Tuấn (2020), "Cooperation between the University of Science, Hue University and Japanese partners: Achievement results and posed problems" (Hợp tác giữa Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế với các đối tác Nhật Bản: Những kết quả đạt được và vấn đề đặt ra), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Giáo dục Đại học Việt Nam và châu Á: Tương quan và cơ hội hợp tác"*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, ISBN, Tr. 186 - 202.
2. Hoàng Văn Hiển, Nguyễn Văn Tuấn (2022), "Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Việt Nam (2002 - 2021)", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Chuyên san Văn - Sử - Triết học, Tập 20, Số 3, Tr. 27 - 40.
3. Nguyễn Văn Tuấn (2018), "45 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản (1973 - 2018)", *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, Số 6, Tr. 56 - 60.
4. Nguyễn Văn Tuấn (2019), "Hợp tác về quốc phòng và an ninh giữa Nhật Bản và Việt Nam từ năm 2007 đến nay", *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, Số 8, Tr. 55 - 59.
5. Nguyễn Văn Tuấn (2020), "Chính sách đối ngoại của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á và tác động đến quan hệ Nhật Bản - Việt Nam từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 4 (240), Tr. 50 - 59.
6. Nguyễn Văn Tuấn (2021), "Quan hệ trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và hợp tác về an ninh, quốc phòng Nhật Bản - Việt Nam từ năm 2002 đến nay", *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn,* Tập 130, Số 6A, Tr. 181 - 198, DOI: 10.26459/hueunijssh.v130i6A.5775
7. Nguyễn Văn Tuấn (2022), "Nhìn lại 20 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản (2002 - 2022)", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 6 (256), Tr. 13 - 21.
8. Nguyễn Văn Tuấn (2022), "Strategic Competition between Japan, India and China in Southeast Asia in the first two decades of the 21st century and its impacts on Japan-Vietnam Relations", *Hue University Journal of Sciences: Social Science and Humanities,*

Vol. 131, No. 6C, Tr. 39 - 52, DOI: 10.26459/hueunijssh.v131i6C.6890

HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF SCIENCES

NGUYEN VAN TUAN

JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN THE PERIOD 2002 2018

Major: World History

Code: 9229011

DOCTORAL DISSERTATION SUMMARY ON HISTORY

HUẾ - 2022

The Doctoral Disseration is completed at: **University of Sciences, Hue University**

Supervisor: **Assoc. Prof. Hoang Van Hien**

Reviewer 1:.....

Reviewer 2:.....

Reviewer 3:.....

The thesis will be defended at Hue University Thesis Judging Committee, smeeting at: No.4 Le Loi, Hue City, Thua Thien Hue province.

At ……., day ..... month …… year .....

The thesis can be found at:

- Library of University of Sciences, Hue University

- National Library of Viet Nam

MỤC LỤC

INTRODUCTION 1
1. Rationale for the study 1
2. Research objectives and mission 1
3. Research subjects and scope 2
4. Research sources 2
5. Methodology and research methods 3
6. Contributions of the dissertation 3
7. Structure of the dissertation 4
CONTENT 5
CHAPTER 1: REVIEW OF LITERATURE 5
1.1. Some domestic researches 5
1.2. Some international researches 6
1.3. Some comments on the research results 7
CHAPTER 2: BASES AND INFLUENCING FACTORS ON JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN THE PERIOD 2002 - 2018 8
2.1. Historic and cultural bases 8
2.2. The influencing factors 8
CHAPTER 3: JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN MAJOR FIELDS (2002 - 2018) 9
3.1. Legal frameworks of Japan - Vietnam relations 9
3.2. In the field of politics and diplomacy 9
3.3. In the field of economics 10

3.4. In the field of security and defense 11
3.5. Multilateral cooperation 11
CHAPTER 4: SOME COMMENTS ON JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN THE PERIOD 2002 - 2018 12
4.1. Achieved results and limitations 12
4.2. Characteristics 14
4.3. Impact of Japan - Vietnam relations on the two countries and the region 14
4.4. Some problems and policy recommendations for Vietnam in relation with Japan 15
CONCLUSIONS 21
SCIENTIFIC PUBLICATIONS RELATED TO THE ISSERTATION 23

INTRODUCTION

1. Rationale for the study

Japan and Vietnam located in Asia, are not only close to each other in term of geography, history but also natural conditions, culture and cultural and economic exchange in the early time. Due to many influences, there have been ups and downs in the relationship between two countries.

Two countries struggled to officially establish diplomatic relations on September 21, 1973. The relationship fell into "*cold*" situation while it had just been promoted efficiently. The fact that the Cold War ended and "*Cambodia issue*" was solved brought the opportunity for both countries to re-connect and develop the relationship as they are today.

Japan - Vietnam relations can be divided into many different phases since the Cold War until now, especially its relationship has really developed strongly and comprehensively in the fields of politics - diplomacy, economics and security - defense from the beginning of the 21st century. However, it is inevitable to have limitations in the relationship between the two countries negatively affecting each country's development as well as bilateral relations. In the hope that the situation of the relationship of two countries would be clarified to promote the further comprehensive and intensive development of the Japan - Vietnam relationship, the study on this relationship in the period 2002 - 2018 is necessary both theoretically and practically.

Because of the reasons above, I have chosen the topic "*Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018*" as the dissertation's topic to have an in-depth study on the relationship between two countries and the contributions to scientific and practical bases for the planning and implementation of Vietnam's foreign policy as well as creation of a strong and reliable foundation for Japan - Vietnam relations in the future.

2. Research objectives and mission

2.1. Research objectives

The dissertation clarifies the process of movement and development of Japan - Vietnam relations from 2002 to 2018 in the fields of politics, diplomatic affairs, economics and security - defense. On that basis, the dissertation will clarify the achieved results, limitations, characteristics,

impacts, as well as problems and policy recommendations for Vietnam in relation with Japan.

2.2. Research mission

To achieve the above objectives, the dissertation will focus on the following missions:

- Clarifying new bases and factors affecting Japan - Vietnam relations from 2002 to 2018.

- Systematically presenting the process of movement and development of Japan - Vietnam relations in the fields of politics, diplomatic affairs, economics and security - defense from 2002 to 2018.

- On the basis of the evaluation of the achieved results as well as limitations, the dissertation will figure out the characteristics and analyze the impacts of this relationship to each country and region; from clarifying the problems and policy recommendations for Vietnam in the cooperation with Japan.

3. Research subjects and scope

3.1. Research subjects

The research subject of the dissertation is the process of mobilizing and developing Japan - Vietnam relations in the fields of politics, diplomacy, economics and security - defense from 2002 to 2018.

3.2. Research scope

In term of space, the dissertation mainly focuses on the relationship between Japan and Vietnam.

In term of time, the dissertation studies the period time from 2002 to 2018.

In term of content, the dissertation focuses on analyzing and synthesizing the process of Japan - Vietnam relations in the fields of politics, diplomacy, economics and security - defense.

4. Research sources

To complete the dissertation, the author has addressed the following main sources

** Original sources*

- Japan's diplomatic documents related to Vietnam such as: Doctrines, foreign policies of Japan's Prime Ministers in different terms; the annual Diplomatic Blue Book of the Ministry of Foreign Affairs of Japan; reports related to trade, investment, Official Development Assistance (ODA)…

- Vietnam's diplomatic documents and texts related to Japan such as: Documents of the Communist Party of Vietnam, statements of leaders of the Party, State and Ministry of Foreign Affairs, Blue Book of Foreign Affairs, reports related to trade, investment, ODA...

- Official documents signed between the Governments of Japan and Vietnam related to the field of research.

** Secondary sources*

- Research works published by domestic and foreign researchers, scholars and politicians in the form of monographs and reference books; articles...

- Sources of materials from the Internet, at reputable Websites...

5. Methodology and research methods

5.1. Methodology

The dissertation thoroughly applied the methodology of dialectical materialism and historical materialism, the viewpoints of Marxism - Leninism, Ho Chi Minh's thoughts, the views and lines of the Vietnam's Communist Party and State in its foreign relations in general and cooperation with Japan in particular.

5.2. Research methods

The dissertation is a historical research work, so the author has applied the historical method and the logical method as the main method for the research. In addition, the author has also combined interdisciplinary methods such as research methods on international relations, expert methods, analysis, synthesis, comparison, scientific predictions… to comprehensively solve the problems.

6. Contributions of the dissertation

6.1. In scientific perspectives

- The dissertation has systematically, comprehensively and scientifically reviewed Japan - Vietnam relations for 16 years (2002 - 2018) in politics, diplomacy, economics and security - defense from the perspective of history, in which Japan is the cooperative subject according to Vietnamese researchers.

- From the research results, the dissertation indicates the achieved results and limitations, thereby figuring out the characteristics of the relationship as well as its impact on each country and region, and other issues related to the relationship between the two countries. Consequently, the dissertation recommends some policy

recommendations for Vietnam in cooperation with Japan in order to strengthen and develop the relationship in the coming time.

6.2. In practical perspectives

- The research results of the dissertation within its scope provide scientific arguments in the planning and implementation of Vietnam's foreign policy in cooperation with Japan, thereby contributing to further promoting the extensive strategic partnership between the two countries.

- The dissertation would be a useful reference for research, teaching and learning at universities, colleges, institutes, research centers... in the fields of modern world's history, international relations in Asia - Pacific, Regional Studies, international relations of Japan, Vietnam... and for those who are interested in Japan - Vietnam relations in the current period.

7. Structure of the dissertation

Apart from the Introduction, Conclusions, References and Appendix, the contents of the dissertation are divided into 4 chapters:

Chapter 1: Review of literature

Chapter 2: Bases and factors affecting Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018

Chapter 3: Japan - Vietnam relations in major fields (2002 - 2018)

Chapter 4: Some comments on Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018

CONTENT

CHAPTER 1: REVIEW OF LITERATURE

1.1. Some domestic researches

Firstly, the research publications on the foreign policy of Japan and Vietnam are indicated. For example: *Foreign strategies of major countries and those in the partnership with Vietnam in the first two decades of the 21st century* (Nguyen Xuan Son and Nguyen Van Du; 2006); *Foreign policies of major countries in the current period* (Nguyen Thi Que; 2015); *Japan's policy towards ASEAN in the early years of the 21st century* (Ngo Phuong Anh; 2020); *World's situation to 2020* (2010), *Vietnam's foreign policy strategic orientation to 2020* (2010) and *Vietnam's foreign policy guidelines in the new period* (2011) by Pham Binh Minh; V*ietnam's foreign policy in the renovation period* (Nguyen Hoang Giap and Nguyen Thi Que; 2013); *The relationship between Japan and the Mekong Sub-region countries since the Cold War until now* (Huynh Phuong Anh; 2017) and other articles. Generally speaking, the above works have partially reflected the contents related to the foreign policy of Japan and Vietnam as well as Japan - Vietnam relations.

Secondly, research publications on Japan - Vietnam relations are mentioned. Specifically, *Japan - Vietnam relations: Past, present and future* (Ngo Xuan Binh and Tran Quang Minh; 2005); *Building a Japan - Vietnam strategic partnership on content and roadmap* (Tran Quang Minh and Pham Quy Long; 2011); *40 years of Japan - Vietnam relations: Achievements and prospects* (Nguyen Tien Luc; 2014); *Japan - Vietnam relations after the Cold War* (Nguyen Thi Que and Nguyen Tat Giap; 2013); *Japan - Vietnam relations: 45 years of looking back and looking toward the future* (Tran Quang Minh 2019); *ASEAN - Japan Comprehensive Economic Partnership Agreement (AJCEP), Japan - Vietnam Economic Partnership Agreement (VJEPA) (2011) and Preferential advantages in the ASEAN - Japan Comprehensive Economic Partnership Agreement (AJCEP) and the Japan - Vietnam Economic Partnership Agreement (VJEPA) on promoting the export of Vietnamese goods* (2016) of the Ministry of Industry and Trade; *Direct investment by Japan's transnational companies during the renovation period in Vietnam* (Dinh Trung Thanh; 2010)… have clarified the basic features of the historical relationship as well as outstanding achievements in the fields of trade, investment, ODA... as well as the

international economic integration of the two countries. In particular, some authors have made recommendations to further improve economic relations between the two countries in the coming time.

1.2. Some international researches

Firstly, regarding research works on Japan - Vietnam relations, there were publications such as *Japan's Foreign Policy, 1945 - 2009: The Quest for a Proactive Policy* (Kazuhiko Togo; 2010); *Japan's International Relations: Politics, economics and security* (Glenn D. Hook, Julie Gilson, Christopher Hughes and Hugo Dobson; 2011); *Japan's diplomacy - Japan's choice in the age of globalization* (2012) *and Japan's diplomacy from the Meiji Restoration to Modernity* (2013) by Irie Akira; *Japan's foreign relations in Asia* (James D.J. Brown and Jeff Kingston; 2017); dissertation "*Vietnam's Foreign Policy in the Post - Cost war Era: Ideology and Reality*" (Luong Ngoc Thanh; 2013); *Lessons on Japan - Vietnam relations* (Kimura Hiroshi, Furuta Motoo and Nguyen Duy Dung; 2005)… Common and outstanding points of research works on foreign policy of Vietnam and Japan and the relationship between the two countries by scholars, researchers who are foreigners, Japanese and Vietnamese expatriates are an interdisciplinary approach, exploiting diverse and rich sources of materials, particularly Japan - Vietnam relations in certain historical periods have been mentioned.

Secondly, regarding research works on Japan - Vietnam relations in the fields of politics, diplomacy, there were「日本にとってのベトナムの重要性」(2020) by 梅田邦夫; "日本とベトナムのパートナーシップこれまで、そしてこれから" (2013) by JICA. In term of economics, there are "ベトナムの日本食品市場, 水産物・果物の輸入販売状況について" (2018) by 神谷 靖子. Concerning security - defense, there are New Directions in Japan's Security Non - U.S. Centric Evolution (2020) by Paul Midford and Wilhelm Vosse; Possibility and issues on possibilities and problems in defense cooperation between Vietnam and Japan by Toshiharu Tsuboi (2014); "海自が存在感、中国を牽制　Ｐ３Ｃ派遣しベトナム海軍と合同訓練" (2016) by 産経…

In summary, the research works mentioned above have made contributions such as: Outlining some historical bases of Japan - Vietnam relations, analyzing some perspectives related to the foreign

policy of Japan and Vietnam in historical periods, Japan - Vietnam relations in the fields of foreign policy, economics, and security and defense... However, as an independent, comprehensive and systematic study on Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 in terms of bilateral relations, the works of Vietnamese and foreign scholars have not fully met this requirement though these studies have been both the basis and a valuable and useful reference sources in research.

1.3. Some comments on the research results

In comparison with other researches related to the dissertation's topic, there would be some comments on the research results as follows:

Firstly, there are abundant and rich research works on foreign policy of Vietnam and Japan as well as Japan - Vietnam relations, partnership of both countries from 2002 to 2018 particularly. However, there have been no systematic and comprehensive studies on the movement, development and nature of Japan - Vietnam relations and from the fact that Japan was the partner subject in the period 2002 - 2018. In the ability to access the above references and documents, it can be said that the dissertation topic "*Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018*" is not overlapping with the previous works.

Secondly, most of the researches have focused on the general relationship or Japan - Vietnam relations in a specific field such as politics - diplomacy, economics and security - defense, culture - society... in a specific time while the dissertation's research period is 2002 - 2018.

Thirdly, many issues on Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 still need in-depth study to meet the requirements of theory and practice about this relationship. In addition, further studies should be conducted due to different points of view, in which this dissertation is included to ensure objectivity and science regarding issues and events of the relationship.

It can be said that the above studies and articles are a valuable reference sources and they are considered as an important basis for the author of the dissertation to continue to give ideas, scientific views, content structure as well as appropriate approach and research method. Especially for inheriting findings of previous studies, and at the same time adding new sources of data, the dissertation will conduct a systematic and comprehensive study, and clarify the process of movement and development of Japan - Vietnam relations in the fields of

politics-diplomacy, economics and security - defense. The author of the dissertation hopes to contribute an objective and scientific research on Japan - Vietnam relations from 2002 to 2018 from the perspective of history.

CHAPTER 2: BASES AND INFLUENCING FACTORS ON JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN THE PERIOD 2002 - 2018

2.1. Historic and cultural bases

Firstly, Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 had developed on the basis of geographical proximity, some similarities in terms of natural conditions, culture, religion - belief, custom, and early historic establishment of relations.

Secondly, the important achievements in Japan - Vietnam relations in the period 1973 - 2001 had become an important historical basis, a solid foundation and a milestone for the development and expansion of Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 and next periods.

2.2. The influencing factors

Firstly, the international and regional contexts such as: The multi-polarity and multi-centre world's situation had become faster; the nature, content and method of gathering forces in international relations had changed fundamentally; the scientific revolution, technology and globalization had been increasingly developing; the international politics and security had become complicated. In East Asia, countries both cooperated and competed in peace and development where there were interests, regulations and competition affecting on complicated relationships among major countries; the structure of the East Asia region where cooperation, association and integration, and competition taking place vibrantly and fiercely with many different levels had become stable; other hidden challenges and differences among some countries had occurred in the region.

Secondly, the major countries such as the US, China, Russia, and India and their strategic adjustment to the region and the promotion of relations with Vietnam had impacts on Japan and Vietnam as well as Japan - Vietnam relations.

The international and regional context and major countries are objective factors impacting on Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018.

Thirdly, in term of the positions of Japan and Vietnam in the foreign policy of each country, Japan and Vietnam had important strategic,

political, security and economic positions in the region and for each country. Therefore, in foreign policy in general and regional policy in particular, both Japan and Vietnam had positions for each other. This is a subjective factor affecting the development of the Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018.

CHAPTER 3: JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN MAJOR FIELDS (2002 - 2018)

3.1. Legal frameworks of Japan - Vietnam relations

For 16 years (2002 - 2018), both countries had signed many important documents related to Japan - Vietnam relations in the fields of politics - diplomacy, economics and security - defense through more than 30 official visits. Specifically, the statements on the establishment of *"reliable and long-term stable partnership"* (April 2002); statement on upgrading and establishment of *"Strategic partnership"* (April 2009) and statement on *"Extensive and broad strategic partnership"* (March 2014). In addition, there were important documents and agreements on economics and security - defense such as: *Agreement on investment promotion and protection* (December 2004); *Japan - Vietnam Joint Initiative to improve business environment with a view to strengthen Vietnam's competitiveness* (April 2003); *Japan - Vietnam free trade agreement* (2006); *National Support Program for Vietnam* (July 2009); JVEPA (2008); *Annual agreements, plans and agreements on ODA aid to Vietnam*; *Memorandum of Understanding between the Ministry of Defense of Japan and the Ministry of National Defense of Vietnam on bilateral defense cooperation and exchange* (2011); *Joint vision statement on defense relations towards the next decade* (2018)... These were important political bases and legal frameworks for both countries to strengthen, develop and expand their cooperative relations in various fields in the period 2002 - 2018 and the next period.

3.2. In the field of politics and diplomacy

It can be seen that from 2002 to 2018, Japan - Vietnam relations had continuously developed both bilaterally and multilaterally. For 16 years (2002 - 2018), there were about 33 official visits among two countries' senior leaders, this was the highest number of official visits between Vietnam and major developed and strategic partner countries. This increasingly showed the importance of Japan - Vietnam relations in the 21st century. Among them, there were milestones for the development of the relationship between two countries such as: *On Japan's side*,

there was an official working visit to Vietnam by Prime Minister Koizumi (2002), Prime Minister Shinzo Abe (2013) and Japanese Emperor Akihito and his Empress (2017)... *On Vietnam's side*, the visits were paid by President Nguyen Minh Triet (2007), General Secretary of the Communist Party of Vietnam Nong Duc Manh (2009) and President Truong Tan Sang (2014)... The greatest achievements of both countries were the relationship was upgraded from "*strategic partnership"* to *"extensive strategic partnership".*

3.3. In the field of economics

Japan - Vietnam relations in term of economics in the period 2002 - 2018 was considered as the brightest spot in the overall picture of Japan - Vietnam relations in this period.

* *In terms of trade,* Japan was one of Vietnam's major trading partners, and Vietnam was also Japan's leading important trade partner in the region. Specifically, two-way trade turnover was just over US$4,940 million in 2002, while it increased by eight times of nearly US$38,000 million in 2018. The trade exchange between two countries was relatively balanced, the structure of main import and export products was complementary, and both Japan and Vietnam occupied important positions in international trade, especially for Vietnam.

* *Concerning investment*

- It can be said that Japan's FDI investment in Vietnam was outstanding from 2002 to 2018 with the increasing number of projects and the amount of registered investment capital as well as realized capital. Accumulated as of December 31, 2018, Japan ranked the second among 135 countries and territories with valid investment projects in Vietnam with 4,007 projects, accounting for nearly 14.6% of the total projects, the total registered investment capital was more than US$57,372 million, accounting for more than 18.8% of the total FDI investment in Vietnam. Japanese investors had invested in 19 industries and fields and were present in 54/63 provinces of Vietnam, especially projects with large scale in this period.

- In term of Vietnam's FDI investment in Japan, accumulated valid projects as of December 31, 2018, Vietnamese enterprises and investors had invested in 61 projects in Japan, with a total registered and newly granted investment capital of US$19.7 million, accounting for more than 5.2% of projects and less than 1% of Vietnam's total FDI outflow. Japan ranked 32/57 countries and territories with investment activities

of Vietnamese enterprises. The investment fields of Vietnamese enterprises were mainly in information - communication, science and technology, wholesale, retail, repair of cars and motorcycles, tourism, accommodation services, restaurants, processing and manufacturing facilities...

** Concerning official development assistance (ODA)*

Japan had been the leading ODA sponsor and donor to Vietnam, Japan gave Vietnam about US$27,800 million, of which US$26,000 million in loan and US$1,800 million in non-refundable aid, accounting for over 30% of the total ODA that other countries committed to donate to Vietnam, Japan donated ODA the most to Vietnam and Vietnam received Japan's ODA the most.

3.4. In the field of security and defense

Different from the cooperation in the fields of politics - diplomacy and economics, Japan - Vietnam relations in the field of security - defense happened later. Although both countries had had multilateral cooperation on security and defense through ASEAN and other multilateral cooperation mechanisms such as UN, ARF, EAS, etc., both countries promoted bilateral cooperation on security - defense until 2007, especially after two countries upgraded and established the *"strategic partnership"* (2009) and signed Memorandum of Understanding on cooperation and exchange of bilateral defense (2011), bilateral security and defense cooperation between Japan and Vietnam was really implemented and achieved positive results to both countries, especially Vietnam. Both countries had organized and maintained the annual Japan - Vietnam Defense Policy Dialogue at the Deputy Ministerial level since 2012; maintaining the mechanism of Strategic Security Dialogue at Deputy Ministerial level of Japan - Vietnam since 2013; Conference on Maritime Security was firstly organized in May 2013 and has been maintained regularly… Especially, Japan announced its plan to use the development assistance package for the foreign country to supply 6 used patrol boats to Vietnam's maritime law enforcement agencies in July 2014. In addition, there had been many official visits between delegations of Japan maritime self-defense force and the Vietnam People's Navy and Vietnam Coast Guard.

3.5. Multilateral cooperation

Apart from bilateral cooperation, Japan - Vietnam multilateral cooperation was also implemented in many fields of politics -

diplomacy, economics, security and defense and in international and regional organizations, at international forums and conferences where two countries were members or were invited as participants. Japan had made positive and real contributions and supports to Vietnam such as: supporting Vietnam to become a non-permanent member of the UN Security Council for the term of 2008 - 2009, to join WTO and highly evaluate Vietnam's role in the ASEAN chairmanship year (2010), being the first country in the G7 group to invite Vietnam to participate in the expanded G7 Summit (2016). Moreover, Vietnam had voices and specific actions to support Japan such as: Supporting Japan to become a permanent member of the UN Security Council and a non-permanent member of the UN Security Council for the 2009 - 2010 and 2016 - 2017 terms, the role of Japan in Southeast Asia and ASEAN as well as Japan - ASEAN relations…

For common issues, both countries affirmed to strengthen coordination and in-depth cooperation at regional and international forums such as UN, APEC, ASEM, EAS, ASEAN+3, ADMM+, ARF... contributing positively and constructively to peace, stability, cooperation and development in the region and in the world.

CHAPTER 4: SOME COMMENTS ON JAPAN - VIETNAM RELATIONS IN THE PERIOD 2002 - 2018

4.1. Achieved results and limitations

4.1.1. Achieved results

** In terms of politics - diplomacy*

The progress of Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 continuously developed from "*Reliable and stable long-term partner"* to *"Strategic partnership"* (2002 - 2008) and from *"Strategic Partnership"* to *"Extensive strategic partnership"* (2009 - 2018). Prominently, besides the strategic partnership was upgraded, many official visits were paid by leaders of both countries, especially the first visit by the senior leaders of two countries. In addition, both countries also coordinated to together consult and support many international and regional issues.

** Regarding economics*

In the field of trade, in the period 2002 - 2018 the total trade turnover between Japan and Vietnam reached US$323,661 million of which, Japan ran 9 years of trade surplus with Vietnam and 8 years of trade deficit. Specifically, Japan's trade goods recorded a surplus with

Vietnam of US$159.671 million while Japan's import from Vietnam reached US$163,990 million, Vietnam posted a record trade surplus with Japan of US$ 4,319 million.

The investment field was also a bright spot in the relationship between two countries in this period. Since 2002, investment cooperation, especially investment from Japan into Vietnam really exploded, forming the first wave of investment in Vietnam. On the contrary, compared to Japan's FDI, Vietnam's FDI in Japan was still modest but contributed significantly to the relationship between the two countries and meant the most for Vietnamese enterprises in the process of international economic integration.

In the field of ODA aid, Japan had given Vietnam the highest priority position. In addition to the data published by the Ministry of Foreign Affairs of Vietnam, Japan had funded 1,549,951 million yen to Vietnam accounting for 37.1% of the total 4,167,905 million yen that Japan had given to Southeast Asian countries during this period according to statistics compiled by the author in the annual reports of JICA from 2003 to the end of 2018, through JICA. Referring to the data released by the Ministry of Foreign Affairs of Japan, accumulated to the end of 2017, Japan granted to Vietnam a total amount of more than US$22,124 million of registered capital and more than US$18,169 million of disbursed capital.

* *Regarding security - defense*

Although the cooperation between two countries in this field came later than other fields, it brought meaningful initial results for both countries, especially for Vietnam. The most important achievements were the signing of a Memorandum of Understanding on Defense Cooperation and Exchange between Japan and Vietnam (2011), the transfer of used patrol boats by Japan, ODA supply and initiation of specific forms of activities and cooperation in accordance with the needs, capacity and potentials of each country in the context of the region's fluctuations, complicated and unpredictable developments, especially protection of sea and island sovereignty of two countries.

4.1.2. **Limitations**

* *Regarding politics - diplomacy*, compared with upgrading and establishing strategic partnerships between Vietnam and major and developed countries, the Japan - Vietnam strategic partnership still took place slower than other countries.

* *Concerning economics,* the cooperation lacked balance, equality and it was one-way cooperation, mainly from Japan such as investment cooperation, ODA aid, etc.

* *In terms of security - defense,* limitations stemmed from internal reasons as well as the different capacity had not met the cooperation needs of the two countries and major countries had also influenced on Japan - Vietnam relations.

4.2. Characteristics

- Despite the ups and downs, Japan - Vietnam relations in this period generally developed smoothly and positively in all fields.

- This was an "asymmetric" relationship in many aspects, but the opportunity was greater than the challenge, the cooperation was greater than the competition because of the dual benefits between the two countries.

- The relationship between both countries was less affected by the big country factor than the relationship between the US - Vietnam (China factor) or China - Vietnam (the US factor).

- Compared to some "comprehensive strategic partners" of Vietnam, Japan - Vietnam "strategic partnership" was more comprehensive and extensive.

4.3. Impact of Japan - Vietnam relations on the two countries and the region

4.3.1. For Japan

Through its good relationship with Vietnam, Japan had achieved many strategic goals such as: Realizing the goal of becoming a "*comprehensive power*" and the policy of "*Towards Asia*", especially Southeast Asia policy, there was a regular, continuous presence and deeper integration into Asia- Pacific region, East Asia, especially in Southeast Asia, and its role, influence and position in the region and ASEAN was promoted. Domestic difficulties, import-export and investment markets of Japanese enterprises were solved.

Besides positive effects, Japan - Vietnam relations also had negative effects on Japan.

4.3.2. For Vietnam

Vietnam's cooperation with Japan brought a great impact in many perspectives: Contributing to the successful implementation of the policy of *"diversification and multilateralization in foreign relations*" and the *"balance"* policy in the relations with major countries of

Vietnam. Vietnam made use of advantages, strengths and great potentials of Japan for industrialization, modernization, national development, international integration and national defense, improved prestige, position and voice of Vietnam in the international arena...

4.3.3. For the region

Japan - Vietnam relations had some impacts on East Asia, especially Southeast Asia in many aspects such as: Contributing to the trend of peace, stability, cooperation, association and development in the region; expanding multilateral economic cooperation mechanisms in the region, contributing to the voice to come up with appropriate solutions to regional issues, developing economics, narrowing the development gap between countries in the region. At the same time, the good relations of the two countries were to promote the consolidation of solidarity within international organizations, forums, conferences and important multilateral economic cooperation in the region where two countries were members such as APEC, EAS, CPTPP, RCEP, JACEP...

However, the development of Japan - Vietnam relations also brought unfavorable effects on East Asia, Southeast Asia and ASEAN.

4.4. Some problems and policy recommendations for Vietnam in relation with Japan

4.4.1. Some raised issues

** In terms of politics - diplomacy*

One of the obstacles and problems in Japan - Vietnam relations in the field of politics - diplomacy was the difference from economic and political institutions, the state model, the levels of development in national construction and development guidelines, management mechanism, operation, administrative procedures... especially strategic goals and national interests of Japan and Vietnam were not completely similar. Besides, the disparity of development levels, advantages and potentials in capital, finance, market, science and technology, national defense, international position... of each country were also problems in Japan - Vietnam relations, especially with regard to Vietnam.

** In the field of economics*

Regarding trade, the structure of import and export products of two countries still had many shortcomings. The proportion of Vietnam's foreign trade turnover in Japan's total foreign trade turnover was quite modest.

Regarding investment, the FDI investment was one-way, but compared to some countries in the region, Vietnam still had major obstacles, preventing Japanese investors from investing.

Regarding ODA, the one-way aid from Japan and the use of this capital by Vietnam still had problems affecting the relations between the two countries.

* *In the field of security - defense*

Compared with the cooperation in politics - diplomacy and economics, the cooperation in this field took place quite late and due to limited capacity, the efficiency was not really high, while the need for cooperation between two countries was great, especially from Vietnam.

4.4.2. Some policy recommendations for Vietnam in relation with Japan

* *In the cooperation in politics - diplomacy:*

At the bilateral level, Vietnam should continue to uphold the principles of respecting independence, sovereignty, unity, territorial integrity, economic and political institutions, state model and non-interference in each other's internal affairs, equal cooperation and mutual benefit with Japan; to consult, exchange and coordinate with Japan to build and have a specific roadmap to upgrade and expand the relationship to new level - that is, the *"Comprehensive Strategic Partnership"* or *"Extensive strategic Partnership"*; to increase official and unofficial visits and meetings and high-level meetings, to synchronously deploy diplomatic channels, connect localities, take advantage of the support of the Japanese Imperial Family, individuals as leaders and former senior leaders of Japan for Japan - Vietnam relations.

At the multilateral level, besides cooperating and supporting Japan's role in the international arena, Vietnam should also take advantage of Japan's support; proactively coordinate with Japan to come up with initiatives and proposals in cooperation, association and integration mechanisms in the region and further promote Japan's role for deeper integration and more frequent presence in Southeast Asia, ASEAN... Especially supporting Japan to become a permanent member of the UN Security Council when this agency is reformed and expanded its membership.

* *In economic cooperation:*

At the macro level, in order to connect with two countries' economies, Vietnam should further promote complementary economic

relations and effectively exploit each other's potentials and advantages. Vietnam should request Japan to share experiences in industrialization, modernization, international economic integration and send more experts to help Vietnam, expand cooperation to other fields; use the local currency in trade exchange, investment cooperation, tourism, etc. In particular, Vietnam should continue to renew and perfect the system of economic policies and laws, and strictly implement international commitments and multilateral trade agreements, more effectively reform the internal problems of the economics.

At the micro level, in addition to the effective implementation of agreements, conventions and memorandums of understanding on economic cooperation signed by the two sides, Vietnam should proactively propose Japan to review and evaluate the economic cooperation, re-evaluate these documents, eliminate unsuitable terms, supplement regulations, propose more effective, specific and practical measures, maintain and perform well the results of the meeting of Japan - Vietnam joint opinion on improving the investment environment in Vietnam in the next period. There are specific solutions to maintain the balance in trade exchange, gradually increase the proportion of Vietnam's imports and exports in the total foreign trade turnover of Japan; overcome the one-sided situation in investment cooperation and ODA aid; lobby Japan to maintain or even increase ODA aid for Vietnam... Especially, due to the large gap in development level and economic potential in economic cooperation with Japan, Vietnam must pay special attention to *"sensitive"* issues related to trade exchange, receiving of ODA aid, technology transfer, equipment and machine lines from Japan...

** In security - defense cooperation:*

At the macro level, in addition to well implementing the contents of security - defense in joint statements, agreements, memorandums, cooperation agreements signed together with existing dialogue mechanisms on security - defense, Vietnam should make proposals to Japan to upgrade and expand dialogue mechanisms and specific cooperation activities. Especially the upgrading of the defense policy dialogue mechanism at the level of Deputy Minister to the level of Defense Minister; effectively implementation of the Joint Vision Statement on defense cooperation towards the next decade (2018), the Agreement on the transfer of defense equipment and technology (2021),

the Memorandum of Understanding on cooperation in the military field and Memorandum of Understanding on Cooperation in Cybersecurity (2021)...

In specific cooperation, Vietnam should make use of Japan's support and adjustments in this field to improve its defense potential; In addition to mobilizing and receiving support and ODA aid in the form of security-defense equipment, used patrol boats, etc. from Japan, Vietnam should also have specific cooperation activities corresponding to the Japan; strengthen visits, exchange of information and exchanges between security-defense forces of the two countries, take more practical actions involved in protecting Japan's territorial sovereignty.

Regarding the handling and settlement of issues related to sea and island security and sovereignty in the East Sea, from Japan's practice, Vietnam needs a clever foreign policy in dealing with issues related to sea and island security and sovereignty. As a limited potential country, Vietnam is easy to lose in disputes over sea and island sovereignty with neighboring countries. Therefore, it is important to show a flexible but "resolute and persistent" attitude, and it is essential for Vietnam to actively coordinate with Japan and ASEAN countries to come up with a unified settlement view with relevant parties.

In multilateral security and defense cooperation, Vietnam should continue to closely coordinate and actively consult with Japan in order to find similarities and common voices in multilateral cooperative mechanisms and forums in the region and the world, especially supporting the roles, proposals and initiatives of the two countries in these cooperative mechanisms. Regarding sea and island sovereignty disputes in the East China Sea, security in the East Sea and other issues related to Japan, Vietnam needs to strengthen exchanges and consultations with Japan to better mutually understand the views, and at the same time support Japan's viewpoints regarding these issues on the basis of international law.

In particular, from bilateral relations between Japan and Vietnam as well as lessons in relations with major countries of Vietnam in modern times, in relations with Japan, besides consistently implementing the defense policy of "*Four no's*" principles, according to the author of the dissertation, Vietnam should implement "*Four needs*" and "*Four avoids*" principles. The "*Four Needs*" are: (i) to maintain high political confidence; (ii) to continue to support Japan to become a Permanent

Member of the UN Security Council when the agency reforms and expands its membership; (iii) to thoroughly exploit advantages in economic cooperation; and (iv) o take full advantage of Japan's ODA capital and defense support. The "Four avoids" principles are: (i) to avoid to make great power Japan lose face; (ii) to avoid reasons for cooperation with Vietnam that force Japan to choose either Vietnam or another country; (iii) to avoid one-way cooperation; and (iv) to avoid to be enticed into forces serving Japan's interests and schemes.

Vietnam desperately needs a good relationship with Japan to develop the country as well as "resolutely and persistently" to struggle to protect its sovereignty over territory, sea and islands on the basis of international law. However, in some specific situations, it is also necessary to "*know oneself, know others*", taking into account Japan's interests in relations with major countries to come up with appropriate countermeasures. Modern history has proven that major countries are willing to compromise with each other thanks to other countries. Vietnam understands this lesson the most. Therefore, the combination between the implementation of the defense policy "*Four no's*" and the lessons "*Four needs*", "*Four avoids*" in the current context as well as Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 is very necessary for upgrading and expanding Japan - Vietnam relations in the coming time.

On the basis of the current situation of Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 and some policy recommendations for Vietnam in the relationship with Japan as above, it is forecasted that the prospects for Japan - Vietnam relations are very bright and will continue to develop rapidly at a higher level, two countries will progress to upgrade and expand the relationship to the level of "*Comprehensive strategic partnership",* even "*Extensive comprehensive strategic partnership",* based on the following historical and practical bases: In addition to the achievements in Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 in the fields of politics, diplomacy, economics and security - defense as mentioned above, from 2019 to now, the relationship between two countries in general and in these fields in particular has continued to be strengthened, developed and expanded, achieving many important historical significance for Japan - Vietnam relations. Those results would be both a historical basis and a practical basis and become an important milestone for two countries to further promote and expand

and upgrade the relationship to a higher level. Especially, the 50th anniversary of establishing diplomatic relations between two countries by 2023 (1973 - 2023) will be a great opportunity for Japan and Vietnam to realize this goal. Moreover, in the coming time, it is forecasted that there would be many changes, greatly affecting the Japan - Vietnam relations in the international and regional context; however, the positive effects will dominate and create conditions for the two countries to develop and upgrade the relationship in terms of opportunities. The proximity in terms of geographical location, historical and cultural bases which promoted Japan - Vietnam relations in the past and at the present would also be the strong and reliable basis and foundation for the development of Japan - Vietnam relations in the future. *"Strengthening the friendship and cooperation between Japan and Vietnam is in line with the interests of the peoples of two countries, the region and the world"* would open up many opportunities and bright prospects for Japan - Vietnam relations will continue to develop comprehensively, intensively and at a higher level in the coming time.

CONCLUSIONS

Through the study on Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018, the following conclusions can be drawn:

1. The movement and development of Japan - Vietnam relations during this period was influenced by many internal and external factors. First of all, internal factors included: geographical proximity, historical connections, similarities in natural condition and culture and results achieved in Japan - Vietnam relations in the period 1973 - 2001... especially the position and importance of both countries for the development of Japan and Vietnam as well as Japan - Vietnam relations. Secondly, external factors were international and regional context, big country factor... in which, big country factor and East Asian context had had certain impacts on each country as well as Japan - Vietnam relations.

2. From the current situation of the Japan - Vietnam relations in the period 2002-2018, it can be seen that the relationship between the two countries has no difference and major challenges. On the basis of Japan - Vietnam relations in the period 2002-2018, it can be seen that the relationship between two countries had no difference and major challenges. On the contrary, it was complementary with stability, development and prosperity. Japan's prosperity created favorable conditions for Vietnam's development and vice versa. For 16 years, Japan and Vietnam had signed a lot of documents, agreements, conventions and memorandums of understanding in many fields, becoming an important political and legal basis for the development and expansion of the cooperation.

3. Besides the achieved results, Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 still had limitations. The cooperation in politics, diplomacy, and security - defense were influenced by external factors, the capacity of the two countries was limited, resulting in the cooperation time was not expected as the plan and commitment. Economic cooperation also had limitations due to the impact of the world's economic situation, the influence of domestic policies leading to the trade exchange, investment cooperation, ODA aid... did not achieve the expected results, the status of one-way cooperation from Japan of Vietnam in FDI investment and ODA aid, the import and export value and structure between the two countries were different. In particular, the proportion of Vietnam's import and export in the total

foreign trade turnover of Japan was too low, while that of Japan was much higher…

4. On the basis of achieved results and limitations, it can be seen that the biggest feature of Japan - Vietnam relations in the period 2002 - 2018 was the continuous development and approached a positive and upward direction from a reliable partner to an extensive strategic partner. Despite the differences and disparities, two countries' relations had no conflict but always complemented each other and developed together, which was a rare bilateral international relationship in the region and in the world. In addition, Japan - Vietnam relations in this period was less affected by negative impacts of the big country factor compared to other relations of Vietnam. In particular, compared to Vietnam's comprehensive strategic partners, the extensive strategic partnership between Japan and Vietnam was comprehensive and extensive and brought more meaningful results for two countries, especially Vietnam.

5. Japan - Vietnam relations in this period had great impacts on each country and the region, especially Vietnam in different aspects and perspectives which were both positive and negative, in which the positive ones were more prominent.

6. On the basis of the limitations and problems, the dissertation recommends policies for Vietnam in its relationship with Japan in order to strengthen, develop, upgrade and expand Japan - Vietnam relations in the coming time. Among the policy recommendations, the group of policy recommendations on economic cooperation is paid attention the most by the author of the dissertation because this is the most important area in the relationship between two countries, the efficiency of economic cooperation is always considered as a measure to evaluate the effectiveness of bilateral relations in general, and Japan-Vietnam relations in particular. Especially, on the basis of the results achieved for the past 16 years along with the advantages in the international, regional and domestic context, some policy recommendations, the author believes that Japan - Vietnam relations promise the prospects in the coming time.

SCIENTIFIC PUBLICATIONS RELATED TO THE DISSERTATION

1. Hoang Van Hien, Nguyen Van Tuan (2020), "Cooperation between the University of Sciences, Hue University and Japanese partners: Achieved results and posed problems", *Proceedings of international workshop on Higher education in Vietnam and Asia: Cooperative correlation and opportunity*, Published. Social Science, Ha Noi, ISBN, pp. 186 - 202.
2. Hoang Van Hien, Nguyen Van Tuan (2022), "Japan's FDI investment in Vietnam (2002 - 2021)", *Journal of Science and Technology, University of Sciences, Hue University*, Issues in Literature - History - Philosophy, Vol. 20, No. 3, pp. 27 - 40.
3. Nguyen Van Tuan (2018), "45 years of Vietnam - Japan relations (1973 - 2018)", *Journal of Activity Theory*, No. 6, pp. 56 - 60.
4. Nguyen Van Tuan (2019), "Japan - Vietnam relations in the field of security and defense from 2007 to now", *Journal of Activity Theory*, No. 8, pp. 55 - 59.
5. Nguyen Van Tuan (2020), "Japan's foreign policy towards Southeast Asia and its impact on Japan - Vietnam relations since the Cold War until now", *Journal of Southeast Asian Studies*, No. 4 (240), pp. 50 - 59.
6. Nguyen Van Tuan (2021), "Relations in the fields of politics, diplomatics and cooperation on security and defense between Japan and Vietnam from 2002 to present", *Hue University Journal of Sciences: Social Science and Humanities*, Vol. 130, No. 6A, pp. 181 - 198, DOI: 10.26459/hueunijssh.v130i6A.5775
7. Nguyen Van Tuan (2022), "Review of 20 year Japan - Vietnam relations (2002 - 2022)", *Journal of Southeast Asian Studies*, No. 6 (256), pp. 13 - 21.
8. Nguyen Van Tuan (2022), "Strategic competition between Japan, India and China in Southeast Asia in the first two decades of the 21st century and its impacts on Japan - Vietnam relations", *Hue University Journal of Sciences: Social Science and Humanities*, Vol. 131, No. 6C, pp. 39 - 52, DOI: 10.26459/hueunijssh.v131i6C.6890